

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2018/HC-PT  
Ngày: 18 - 4 - 2018  
V/v khiếu kiện: Quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà  
nước về đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Ngọc Thu Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Công Lý

Ông Đỗ Đình Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 570/2017/TLPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC- ST ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 393/2018/QĐ- PT ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Triệu Văn N, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 293/11, Khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh D(có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B; địa chỉ: Đường 30/4, Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh D.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Huỳnh Thư L- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, theo Giấy ủy quyền số 09/UQ-UBND ngày 10/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Triệu Văn N là người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện ông Triệu Văn N trình bày:*

Ông Triệu Văn N có 1.298m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27 tại xã T, thị xã B, tỉnh D được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00078/QĐ-UB ngày 20/12/1999.

Ngày 13/10/2013, ông Triệu Văn N nhận được Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện B (nay là thị xã B) về việc thu hồi 126,58m<sup>2</sup> đất (HLBVĐB) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00078/QĐ-UB ngày 20/12/1999 do UBND huyện B (nay là thị xã B) cấp cho ông Triệu Văn N để thực hiện công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 đoạn từ ngã tư Sở Sao đến ngã ba Cỏ Xanh.

Ngày 05/11/2015, ông Triệu Văn N nhận được Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND thị xã B về việc điều chỉnh diện tích thu hồi tại Điều 1 Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện B (nay là thị xã B) từ 126,58m<sup>2</sup> đất (HLBVĐB) thành 136,9m<sup>2</sup> đất (HLBVĐB).

Ngày 18/8/2016, ông Triệu Văn N nhận được Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N đang sử dụng phần diện tích 136,9m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27 tại phường T, thị xã B với thời gian thực hiện cưỡng chế từ ngày 16/8/2016 đến ngày 30/9/2016.

Ngày 27/9/2016, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N đến ngày 28/10/2016.

Ông Triệu Văn N cho rằng UBND thị xã B không thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất; thực hiện cưỡng chế thu hồi đất khi không có phương án bồi thường tái định cư; không bồi thường đúng quy định pháp luật vì diện tích đất thu hồi là đất ở sử dụng từ năm 1978 đến nay, diện tích phần đất bị thu hồi phải là 183,2m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất gồm có một căn nhà của ông Triệu Văn N, một căn nhà của bà Triệu Ngọc T1 (giải tỏa trắng và không hỗ trợ tái định cư).

Ông Triệu Văn N khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã B ông Huỳnh Thu L trình bày:*

Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N và Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N phù hợp với quy định của pháp luật, bởi các lý do sau:

- Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 và Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 do Chủ tịch UBND thị xã B ban hành là phù hợp quy định tại Khoản 3, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục, nội dung: Thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2, Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể:

Sau khi ban hành Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện B (nay là thị xã B) về việc thu hồi đất của ông Triệu Văn N và Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND thị xã B về việc điều chỉnh Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện B (nay là thị xã B), UBND thị xã B cũng như UBND phường T, Ủy ban mặt trận Tổ quốc (viết tắt là UBMTTQ) phường T và các tổ chức đoàn thể, chủ đầu tư đã tổ chức nhiều buổi vận động, thuyết phục hộ ông Triệu Văn N bàn giao mặt bằng nhưng ông N vẫn không đồng ý. Vì vậy, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N.

Theo Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016, thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngày 16/8/2016 đến ngày 30/9/2016. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, ngày 20/9/2016, ông Triệu Văn N có đơn xin hoãn việc cưỡng chế thu hồi đất 20 ngày kể từ ngày 22/9/2016 đến ngày 12/10/2016 để hộ ông Triệu Văn N tự tháo dỡ nhà, công trình trên đất và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định số

1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 về việc gia hạn thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N đến ngày 28/10/2016.

Qua nhiều lần vận động và đối thoại, ngày 07/11/2016, hộ ông Triệu Văn N thống nhất bàn giao toàn bộ phần diện tích 136,9 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27 tại phường T, thị xã B.

Ngày 16/11/2016, sau khi nhận đủ số tiền hỗ trợ (tạm ứng từ chủ đầu tư) là 801.822.300 đồng, hộ ông Triệu Văn N đồng ý bàn giao toàn bộ mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện việc thi công.

*Tại Bản án hành chính số 03/2017/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:* Bác yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn N đối với yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N; Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/02/2017, ông Triệu Văn N kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Triệu Văn N vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông Triệu Văn N:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ. Ông N đã khởi kiện Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện B về việc thu hồi đất, đã được Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân

tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông N. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo trình tự thủ tục giám đốc thẩm. Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Thực tế, nếu có thu hồi diện tích nhiều hơn là việc làm của những người thực thi. Ông N có quyền khởi kiện vụ kiện khác. Ông N kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện: Ông Triệu Văn N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N; Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N là Quyết định hành chính quản lý Nhà nước về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Văn N đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 và Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Phó Chủ tịch Huỳnh Thu L ký thay Chủ tịch UBND thị xã B là phù hợp với sự phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thị xã B nhiệm kỳ 2016-2021 (tạm thời) theo Thông báo số 254/TB-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: đảm bảo đúng theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

[2.3] Về nội dung: Ông Triệu Văn N là chủ sử dụng 1.298m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27 tại xã T, thị xã B, tỉnh D, được UBND huyện B(nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00078/QĐ-UB ngày 20/12/1999.

Ngày 13/10/2013, ông N nhận được Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện B(nay là thị xã B) về việc thu hồi 126,58m<sup>2</sup> đất hành lang bảo vệ đường bộ (HLBVĐB) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00078/QĐ-UB ngày 20/12/1999 do UBND huyện B(nay là thị xã B) cấp cho ông N để thực hiện công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 đoạn từ ngã tư Sở Sao đến ngã ba Công Xanh.

Ngày 05/11/2015, ông N nhận được Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND thị xã B về việc điều chỉnh diện tích thu hồi tại Điều 1 Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện B(nay là thị xã B) từ 126,58m<sup>2</sup> đất (HLBVĐB) thành 136,9m<sup>2</sup> đất (HLBVĐB). UBND thị xã B, UBND phường T, UBMTTQ phường T và các tổ chức đoàn thể, chủ đầu tư đã tổ chức nhiều buổi vận động, thuyết phục hộ ông Triệu Văn N bàn giao mặt bằng nhưng ông N vẫn không đồng ý.

Ngày 18/8/2016, ông N nhận được Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với phần diện tích 136,9m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27 tại phường T, thị xã B, thời gian thực hiện cưỡng chế từ ngày 16/8/2016 đến ngày 30/9/2016.

Theo biên bản đối thoại lần 2 ngày 16/9/2016 giữa Ban Thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của UBND thị xã B, UBND phường T và hộ ông Triệu Văn N, phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Triệu Văn N được thống nhất từ 142.560.156 đồng thành 801.822.300 đồng. (bút lục số 85, 86)

Ngày 20/9/2016, ông Triệu Văn N có đơn xin hoãn việc cưỡng chế thu hồi đất 20 ngày kể từ ngày 22/9/2016 đến ngày 12/10/2016 để hộ ông Triệu Văn N tự tháo dỡ nhà, công trình trên đất và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công (bút lục số 75).

Ngày 27/9/2016, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định số 1818/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N đến ngày 28/10/2016.

Theo biên bản làm việc ngày 01/11/2016 tại Thanh tra thị xã B (bút lục số 74), biên bản về việc bàn giao phần đất thu hồi để thực hiện công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 ngày 07/11/2016 (bút lục 68, 69, 70), hộ ông N thống nhất bàn giao toàn bộ phần diện tích 136,9 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 27 tại phường T, thị xã B cho chủ đầu tư và cam kết không cản trở trong quá trình thi công.

Theo biên bản làm việc về việc hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thi công công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 đối với hộ ông Triệu Văn N, hộ bà Triệu Ngọc T1 ngày 16/11/2016 và biên bản giao nhận tiền bồi thường ngày 16/11/2016, hộ ông Triệu Văn N đồng ý nhận số tiền hỗ trợ (tạm ứng từ chủ đầu tư) là 801.822.300 đồng và tháo dỡ phần nhà cấp 4 còn lại chậm nhất đến ngày 18/11/2016 để đơn vị thi công thực hiện việc thi công.

Ông N và UBND thị xã B đều thống nhất xác định ông N đã thực hiện việc tháo dỡ, di dời tài sản và bàn giao quyền sử dụng đất được thu hồi cho chủ đầu tư công trình.

Ông N thừa nhận đã khởi kiện các Quyết định số 5903/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện B về việc thu hồi đất; Quyết định số 4100/QĐ-UBND ngày 19/9/2011 về việc không bồi thường đất hành lang bảo vệ đường bộ; Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 10/5/2011 về bồi thường tài sản trên đất thu hồi và đã được Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông N. Ông N thừa nhận không có khiếu nại Bản án này. Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử việc khiếu kiện trên của ông N đã có hiệu lực pháp luật, không bị khiếu nại, kháng nghị theo trình tự thủ tục giám đốc thẩm.

Do vậy có căn cứ xác định việc thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho ông N đã được UBND thị xã B giải quyết đúng quy định.

Ngoài ra, các cấp chính quyền thị xã B và các tổ chức đoàn thể, chủ đầu tư đã nhiều lần vận động, thuyết phục hộ ông Triệu Văn N bàn giao mặt bằng nhưng ông N vẫn không đồng ý.

Vì vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N là phù hợp với quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Đối với Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B, xét thấy việc gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất là theo yêu cầu của ông N, nhằm tạo điều kiện cho ông N có thời gian thực hiện việc di dời tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ. Ông N kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 40 của Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII quy định về án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Triệu Văn N. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính số 03/2017/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn N đối với yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N; Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Triệu Văn N.

*Về án phí hành chính sơ thẩm:* Ông Triệu Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp



theo Biên lai thu tiền số 0002905 ngày 28/9/2016 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Bình Dương. Ông Triệu Văn N đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

*Về án phí hành chính phúc thẩm:* Ông Triệu Văn N có trách nhiệm thi hành là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông Triệu Văn N đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0010570 ngày 20/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Ông Triệu Văn N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu VP (3). HS (2) 12b(PTHH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Đinh Ngọc Thu Hương**